

Số: 134/KH-GDĐT

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2023

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định;

Căn cứ Kế hoạch số 326/KH-SGDĐT ngày 17/02/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023.

Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục triển khai đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số thực hiện kịp thời, thống nhất, có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” và các mục tiêu được giao tại Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số năm 2022 của tỉnh Bình Định.

2. Yêu cầu

Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục tỉnh phải được thiết kế đồng bộ, bao

quát, có hệ thống trong tổng thể Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh và của ngành Giáo dục; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả thiết thực, gắn với công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.

II. MỤC TIÊU

1. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 90% học sinh, học viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến

- + Triển khai thống nhất một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 60% học sinh sử dụng;

- + Từng bước hình thành kho học liệu trực tuyến của tỉnh (có thể kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 20% ở cấp tiểu học, 30% ở cấp trung học.

2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục.

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

- Về quản lý giáo dục: Triển khai sử dụng Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành Giáo dục đã được Bộ GDĐT thiết lập và cập nhật, khai thác hiệu quả, trong đó:

- + Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh (theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/4/2022);

- + Các cơ quan quản lý giáo dục trong tỉnh được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 95% hồ sơ công việc tại cấp sở; 85% hồ sơ công việc tại cấp phòng; 60% hồ sơ công việc tại các đơn vị giáo dục được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

- + 98% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình (hoặc mức độ toàn trình một phần nếu không phát sinh những nội dung không thể thực hiện được);

- + Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình và toàn trình một phần trên tổng số hồ sơ đạt 100%;

- + Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của

các cơ sở giáo dục đạt trung bình từ 85%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình từ 85%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng chuyển đổi số

a) Về đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương và tỉnh liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, hướng đến xây dựng thành phố thông minh, như: Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII), Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nội dung liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số; các chương trình, nhiệm vụ trong Đề án “Xây dựng thành phố thông minh”.

- Trưởng các đơn vị cấp phòng thuộc Sở GDĐT, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT, Trưởng phòng GDĐT trực tiếp tham mưu thực hiện chuyển đổi số theo lĩnh vực quản lý, gắn với chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong ngành; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của công chức, viên chức, học sinh và học viên về các chủ trương, chính sách liên quan đến chuyển đổi số.

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số tại đơn vị mình; lấy việc triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác.

- Khuyến khích việc tăng cường tương tác giữa công chức, viên chức thuộc Sở GDĐT với người dân, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực GDĐT sử dụng công nghệ số (thiết bị di động, các mạng xã hội, các kênh thông tin phi truyền thống khác).

b) Về cơ chế, chính sách Từng bước đổi mới mô hình, quy trình hoạt động kết hợp với áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành; triển khai các ứng dụng, tiện ích thiết thực phục vụ mọi hoạt động của người học, người dân để phổ cập rộng rãi trong xã hội; cung cấp dịch vụ hành chính công, sử dụng dữ liệu số thay thế một số thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải nộp bản giấy.

c) Về phát triển hạ tầng số

- Duy trì hệ thống học bạ điện tử của học sinh theo quy chuẩn của Bộ GDĐT để đảm bảo mỗi học sinh có mã (ID) duy nhất và có hồ sơ, học bạ điện tử.

- Xây dựng, triển khai nền tảng tuyển sinh đầu cấp trực tuyến dùng chung toàn tỉnh (xây dựng Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến đầu cấp).

d) Về phát triển dữ liệu số

- Số hóa, xây dựng CSDL tài liệu, giáo trình điện tử. Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Phổ cập sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến.

- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEM/STEAM/STEAME), đào tạo kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin (CNTT),

bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

- Hoàn thiện dữ liệu thuộc quản lý của Sở GDĐT, tổng hợp dữ liệu từ các đơn vị giáo dục, đơn vị trực thuộc và chia sẻ dữ liệu từ Bộ GDĐT, ngành để phục vụ nhu cầu quản lý của ngành, địa phương.

- Triển khai thanh toán học phí, lệ phí điện tử không dùng tiền mặt cho tất cả các trường học.

e) Về phát triển nền tảng số

- Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang internet tới các đơn vị giáo dục.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT đáp ứng yêu cầu cho hoạt động chuyên môn, ổn định, chính xác, an toàn, bảo mật các hệ thống thông tin và các ứng dụng phục vụ cho công cuộc chuyển đổi số của ngành Giáo dục. Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin.

- Duy trì và mở rộng việc triển khai hệ thống chữ ký số cá nhân, chữ ký điện tử tại các đơn vị trực thuộc; từng bước tích hợp chữ ký số vào các ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục.

- Ưu tiên hỗ trợ kinh phí đầu tư trang thiết bị, máy tính kết nối mạng internet cho các trường ở vùng khó khăn hoặc chưa có thiết bị kết nối; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy - học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G, 5G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường sử dụng dạy học trực tuyến.

f) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên.

g) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm, thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

h) Về phát triển nhân lực số

- Kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục thành phố.

- Tăng cường gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chuyên môn về CNTT, an toàn thông tin. Có giải pháp về bảo đảm số lượng và nâng cao về chất lượng cho công chức, viên chức chuyên trách về CNTT, an toàn thông tin đáp ứng việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin tại các đơn vị, trường học.

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của ngành thông qua các chương trình bồi dưỡng.

i) Về bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học về công nghệ số có tiềm năng áp dụng trong hoạt động của ngành Giáo dục với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, nhà khoa học, viện nghiên cứu.

2. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số, Kinh tế số

- Tiếp tục triển khai xây dựng CSDL ngành Giáo dục có API đồng bộ và chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung tỉnh, Bộ GDĐT và các ứng dụng khác; đảm bảo đến 2025 hoàn thành Hệ thống CSDL ngành và các phần mềm chuyên ngành được chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Bộ GDĐT.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số. Số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của Phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc Phòng theo quy định.

- Đôn đốc triển khai việc thanh toán không sử dụng tiền mặt tại cơ quan quản lý giáo dục, đơn vị, tổ chức hoạt động trong ngành Giáo dục trên địa tỉnh Bình Định.

3. Nhóm các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Xã hội số

- Thực hiện kênh theo dõi phản hồi, đánh giá của người dân, đơn vị, trường học, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực GDĐT trong quá trình trải nghiệm chuyển đổi số của Sở GDĐT nhằm lên kế hoạch thực hiện tối ưu hóa.

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị Sở GDĐT điều chỉnh các quy định các thủ tục để hoàn thiện quy định chuyên ngành GDĐT, cụ thể như: Quy định chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến; quy định điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng (kể cả ngắn hạn và dài hạn); quy định về việc quản lý, sử dụng học bạ điện tử, sổ theo dõi và đánh giá học sinh...

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm: Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Chủ động lồng ghép với các đề án, chương trình, dự án của đơn vị mình, cân đối sắp xếp trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Thiết kế và chạy lại mới hệ thống mạng internet và mạng nội đô để đảm bảo an toàn thông tin.
- Có kế hoạch xây dựng phòng họp trực tuyến.

- Tiếp tục đôn đốc hoàn thiện việc thu thập, hoàn chỉnh thông tin định danh cá nhân của học sinh, giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành đồng bộ dữ liệu dân cư quốc gia đạt tỷ lệ 100%.

- Thực hiện đồng bộ hệ thống vnEdu của THCS lên CSDL ngành (đã có Công văn số 3165/SGDDĐT-VP của Sở GDĐT đề nghị Bộ GDĐT cấp tài khoản để tiến hành đồng bộ dữ liệu từ hệ thống vnEdu lên cơ sở dữ liệu ngành).

- Cấp chữ ký số cho các đơn vị là lãnh đạo đơn vị trực thuộc.

- Triển khai cấp và phân quyền cho người quản trị hệ thống iDesk cho đơn vị trực thuộc.

- Tập huấn về chuyển đổi số cho các đơn vị trực thuộc: Hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho lãnh đạo; hướng dẫn quản trị văn phòng điện tử iDesk; hướng dẫn quản trị tạo tài khoản cho viên chức của đơn vị mình; hướng dẫn lưu trữ văn thư; hướng dẫn, quán triệt cách nhập, báo cáo thống kê số liệu trên cơ sở dữ liệu ngành.

- Tiến hành làm thủ tục để ban hành bộ Tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của đơn vị (theo Quyết định số 4725/QĐBGDDĐT).

- Nghiên cứu, bổ sung các tiêu chí đánh giá về công tác triển khai chuyển đổi số trong quy định đánh giá, xếp loại các đơn vị trực thuộc Phòng, hoàn thành trước ngày 15/12/2023.

- Tham mưu kiện toàn tổ chức và bổ sung chức năng, nhiệm vụ về thực hiện chuyển đổi số.

- Phối hợp với các phòng, đơn vị tổ chức các hội thảo, hội nghị về chuyển đổi số. Có giải pháp về bảo đảm số lượng và nâng cao về chất lượng cho công chức, viên chức chuyên trách về CNTT tại các đơn vị, trường học.

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho công chức, viên chức và người lao động của ngành thông qua các chương trình bồi dưỡng, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên về mô hình Giáo dục STEAM, tiếng Anh, ...

2. Các đơn vị trực thuộc

Xây dựng, ban hành, triển khai Kế hoạch chi tiết thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị mình.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số của ngành Giáo dục thành phố Quy Nhơn năm 2023. Yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo Phòng GDĐT để tổng hợp, trình lãnh đạo Phòng xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc (thực hiện);
- Sở GDĐT (báo cáo);
- Lãnh đạo Phòng (báo cáo);
- CCVC đơn vị;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Lý Chiêu Hòa